

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 709/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/7/2018
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Bá Thu Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 926/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm: 1990. (Có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Đường X, Khu phố E, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành H, sinh năm: 1974. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường X, Khu phố E, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn bà Lê Thị B thì:

Bà và ông Nguyễn Thanh H tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Đ, Huyện T, tỉnh B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01 ngày 18/3/2009.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến tháng 7 năm 2014 phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên gây gổ nhau. Ông H, bà B đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Từ tháng 8/2014 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay bà B xác định không còn tình cảm và cũng không còn khả năng hàn gắn với ông H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Bà Lê Thị B và ông Nguyễn Thanh H có 01 người con chung là Nguyễn Thành K (nam), sinh ngày 06/10/2009. Hiện đang sống chung với bà B. Bà B yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung Nguyễn Thành K, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bà Lê Thị B có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Bị đơn ông Nguyễn Thành H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các giấy triệu tập. Tuy nhiên ông H vẫn vắng mặt không có ý kiến trình bày gửi đến Tòa, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và cũng không tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng, nguyên đơn bà B chấp hành đúng quy định của pháp luật. Ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mà không đến tòa là vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị B, giao con chung Nguyễn Thành K (nam), sinh ngày 06/10/2009 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà B không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Án phí bà B phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Lê Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành H cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn khởi kiện của bà B phù hợp qui định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Thành H, là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên Tòa, tuy nhiên ông H vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ theo qui định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H.

Bà Lê Thị B có đơn xin vắng mặt khi tòa án xét xử vụ án nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà B.

[2] Về nội dung: Bà Lê Thị B và ông Nguyễn Thành H kết hôn với nhau do tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Đức Bình, huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01 ngày 18 tháng 3 năm 2009 nên là hôn nhân hợp pháp.

Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H, nhưng Tòa án không nhận được trả lời của ông, chứng tỏ ông không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà B.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà B, Hội đồng xét xử xét, sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 8 năm 2014 giữa bà B và ông H phát sinh những bất đồng về quan điểm sống và mâu thuẫn về tài chính gia đình, ông H có những lời nói xúc phạm đến bà B. Tuy ở chung nhà nhưng từ tháng 8 năm

2014 đến nay vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mỗi người sống một phòng. Bà B đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng ông H không hợp tác. Như vậy ông H, bà B đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng là phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình như theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, cả hai cùng không muốn đoàn tụ gia đình, bà B có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là yêu cầu chính đáng phù hợp với Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ theo giấy khai sinh số 189 quyển 01 ngày 14 tháng 10 năm 2009 do Ủy ban nhân dân xã Đức Bình, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận cấp nên có cơ sở xác định trẻ Nguyễn Thành K (nam), sinh ngày 06/10/2009 là con chung của bà B, ông H. Bà B có yêu cầu được trực tiếp trông nom chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông H vẫn không đến và cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con. Vì vậy nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của B giao con chung Nguyễn Thành K (nam), sinh ngày 06/10/2009 cho bà B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà B không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà B là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.
- Các điều 51, 56, 57, 58, 59, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Luật Phí, lệ phí năm 2016;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị B:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị B, sinh năm 1990 ly hôn với ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1974

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thành K (nam), sinh ngày 06/10/2009 cho bà Lê Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà B không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình 300.000đồng, bà Lê Thị B phải nộp nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp theo biên lai thu số 0037077 ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà B đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- UBND xã Đ, huyện T,
Tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu:VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thanh